ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU
ĐẢNG ỦY XÃ KHOEN ON
*
Số 211-KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Khoen On, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Thường vụ Tỉnh ủy

---

Thực hiện Hướng dẫn số 13-HD/BTGTU, ngày 23/10/2026 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Khoen On ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền kịp thời, nghiêm túc, thống nhất và hiệu quả các chủ trương, nghị quyết mới của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng ủy; giúp các chi, đảng bộ chủ động cụ thể hóa, triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền, các tổ chức đảng chủ động tổ chức thực hiện ngay, không chờ đợi, không viện lý do chờ hướng dẫn; đối với những nội dung cần cấp có thẩm quyền cụ thể hóa, chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện kịp thời ngay sau khi có văn bản hướng dẫn.

Đổi mới nội dung, hình thức học tập, quán triệt, tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp phương thức truyền thống với ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, kết hợp tự nghiên cứu với nghe phổ biến. Chuyển mạnh từ "học tập, quán triệt" sang "hiểu sâu, hành động đúng, làm đến cùng" trong từng bước triển khai. Qua đó, giúp cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung cốt lõi, điểm mới và yêu cầu đặt ra; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, củng cố niềm tin và sự đồng thuận trong xã hội.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phải được lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc, thực chất, đúng tiến độ theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu

quả hoạt động của hệ thống chính trị; Công văn số 878-CV/ĐU, ngày 01/7/2026 của Đảng ủy. Tăng cường kiểm tra, giám sát; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

II- NỘI DUNG, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức học tập, quán triệt

1.1. Nội dung và tài liệu

a) Văn bản của Trung ương

(1) Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 15/10/2026 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh môi trường trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

(2) Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 22/9/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật trong tình hình mới.

(3) Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế.

(4) Quy định số 218-QĐ/TW, ngày 22/9/2026 của Ban Bí thư về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt.

(5) Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư về cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(6) Quy định số 221-QĐ/TW, ngày 05/10/2026 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác đối với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.

(7) Quy định số 222-QĐ/TW, ngày 06/10/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố.

(8) Quy định số 227-QĐ/TW, ngày 19/10/2026 của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và trong toàn Đảng.

(9) Quyết định số 493-QĐ/TW, ngày 16/10/2026 của Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương.

b) Văn bản của Tỉnh ủy

(10) Kế hoạch số 140-KH/TU, ngày 30/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng.

(11) Kế hoạch số 141-KH/TU, ngày 01/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 231-KL/TW, ngày 08/01/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về "Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030".

(12) Kế hoạch số 145-KH/TU, ngày 06/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 19/8/2026 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân.

(13) Kế hoạch số 147-KH/TU, ngày 07/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh gắn với thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, ngày 03/7/2026 của Ban Bí thư về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị **(TỐI MẬT).**

(14) Kế hoạch số 149-KH/TU, ngày 09/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 03/9/2026 của Ban Bí thư về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước giai đoạn 2026 - 2030.

(15) Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 13/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 71-KL/TW, ngày 17/7/2026 của Ban Bí thư về quản lý, sử dụng tín chỉ carbon phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia **(TỐI MẬT).**

Nội dung quán triệt tập trung làm rõ bối cảnh, lý do, sự cần thiết và ý nghĩa ban hành văn bản; quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; những điểm mới và nội dung liên quan trực tiếp đến ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện. Đối với những chủ trương liên quan trực tiếp đến ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt chuyên sâu cho cán bộ, đảng viên và người lao động. Không quán triệt nguyên văn tài liệu, không dàn trải nội dung.

c) Tài liệu học tập: *(có phụ lục và đường link gửi kèm)*[1].

1.2. Đối tượng học tập, quán triệt

- Đối tượng học tập, quán triệt là đảng viên, công chức, viên chức chưa là đảng viên đang công tác trong hệ thống chính trị của xã.

- Cán bộ lãnh đạo, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có trách nhiệm

[1] https://drive.google.com/drive/folders/1AEmFHZPr54GZcyo-jHaDYUiVHSVVYoe8?usp=sharing

nghiên cứu sâu, nắm vững nội dung cốt lõi, những điểm mới của các chủ trương, nghị quyết để trực tiếp truyền đạt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

1.3. Hình thức, thời gian và báo cáo viên

- Hình thức: Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy tổ chức hội nghị học tập, quán triệt phù hợp với điều kiện thực tế, bằng hình thức trực tiếp hoặc lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề. Không tổ chức hội nghị riêng đối với những nội dung đã được hướng dẫn đầy đủ bằng văn bản và không phát sinh yêu cầu mới. Tăng thời lượng trao đổi, thảo luận, khắc phục tình trạng dàn trải, truyền đạt một chiều.

- Thời gian: ½ ngày; hoàn thành **trước ngày 10/12/2026.**

- Báo cáo viên:

+ Cấp xã: Các đồng chí Thườngtrực, Ban Thườngvụ Đảng ủy, báo cáo viên cấp tỉnh ở xã, báo cáo viên cấp xã trực tiếp quán triệt; trường hợp cần thiết, mời báo cáo viên cấp trên.

+ Các chi, đảng bộ: Đồng chí Bí thư chi bộ, Phó Bí thư chi bộ hoặc tuyên truyền viên cấp xã ở các chi, đảng bộ trực tiếp quán triệt; trường hợp cần thiết, mời báo cáo viên cấp trên.

+ Báo cáo viên chuẩn bị đề cương bài giảng ngắn gọn, rõ trọng tâm, liên hệ sát thực tiễn và tích cực ứng dụng công nghệ thông tin. Khuyến khích biên soạn, biên dịch nội dung sang tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với thực tiễn địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến

2.1. Nội dung tuyên truyền, phổ biến

Nội dung tuyên truyền, phổ biến gồm các văn bản được nêu tại mục 1.1 của Hướng dẫn và các kết luận, quy định, quyết định sau:

1. Kết luận số 99-KL/TW, ngày 28/9/2026 của Bộ Chính trị về khai thác, quản trị và bảo vệ không gian tầm thấp phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới.

2. Quy định số 223-QĐ/TW, ngày 12/10/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

3. Quyết định số 488-QĐ/TW, ngày 05/10/2026 của Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Quốc hội với các đảng ủy trực thuộc Trung ương, cơ quan đảng ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy.

2.2. Hình thức tuyên truyền

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của xã, Internet và mạng xã hội (Zalo, Facebook, YouTube, TikTok...); chú trọng các nền tảng có lượng tương tác lớn. Biên soạn tài liệu, bản tin sinh hoạt chi bộ với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp từng đối tượng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin *(xây dựng video clip, infographic nội dung ngắn gọn, dễ hiểu…)*.

- Tuyên truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở, hội nghị nội bộ, sinh hoạt của các chi, đảng bộ, hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền viên và sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức đoàn thể; phát huy hiệu quả tuyên truyền miệng của đội ngũ báo cáo viên cấp xã, tuyên truyền viên cơ sở. Tăng cường tuyên truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc sinh sống.

2.3. Thời gian tuyên truyền: Thực hiện thường xuyên, gắn với việc triển khai nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Căn cứ chỉ đạo của cấp trên, tổ chức thực hiện sát với chức năng, nhiệm vụ; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và bảo đảm tính khả thi. Phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; tăng cường phối hợp giữa các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện. Vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức và người lao động tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thi đua lao động, sản xuất, phát triển kinh tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân xã

Tăng cường chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội có lượng tương tác lớn, trang thông tin điện tử và các kênh thông tin chính thức của xã. Chú trọng quản lý thông tin trên không gian mạng; chủ động phát hiện, phối hợp

xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả, tin xấu, độc gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến việc triển khai chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền; tăng cường tin, bài, phóng sự về việc triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và của xã.

Tăng cường thông tin, tuyên truyền, biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai thực hiện nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương và của tỉnh; xây dựng các tin, bài đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ.

3. Ban Xây dựng Đảng

Chủ trì tham mưu, theo dõi, đôn đốc và nắm tình hình, tiến độ thực hiện Kế hoạch. Chủ động nắm tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, kịp thời giải quyết những vấn đề mới phát sinh, tránh để xảy ra những điểm "nóng"; phát huy vai trò của ban công tác 35 trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, quyết tâm đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

Sau đợt học tập, quán triệt, tuyên truyền, các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Đảng ủy *(qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã)* trước ngày **15/12/2026** *(theo Phụ lục 2 kèm theo)* để tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định.

Nơi nhận:
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã; Lãnh đạo UBND xã;
- Các đồng chí Đảng ủy viên;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Đoàn thể xã;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy xã;
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy xã;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ KHOEN ON
ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU

Lò Việt Hưng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CỐT LÕI CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

(Kèm theo Kế hoạch số 211-KH/ĐU, ngày 28/10/2026 của BTV Đảng ủy xã Khoen On)

I- CHỈ THỊ SỐ 15-CT/TW, NGÀY 15/10/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ BẢO ĐẢM AN NINH MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Tình hình

An ninh môi trường là trạng thái môi trường an toàn, ổn định, bền vững, trong đó các nguy cơ, rủi ro được nhận diện, dự báo, phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó hiệu quả, không gây tổn hại đến an ninh quốc gia, an ninh con người, trật tự, an toàn xã hội và lợi ích quốc gia - dân tộc. Bảo đảm an ninh môi trường là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước.

Tuy nhiên, tư duy quản trị, thể chế còn hạn chế, phối hợp giữa các cơ quan và năng lực nhận diện, dự báo, cảnh báo, xử lý rủi ro; tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường còn diễn biến phức tạp...

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về bảo đảm an ninh môi trường

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh môi trường gắn với bảo vệ môi trường; tích hợp nhiệm vụ bảo đảm an ninh môi trường vào nghị quyết, chương trình công tác hằng năm và nhiệm kỳ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả bảo đảm an ninh môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kịp thời chấn chỉnh hạn chế, yếu kém, xử lý nghiêm vi phạm.

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội; chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, định hướng dư luận, xử lý hiệu quả các vấn đề phức tạp về thông tin, truyền thông liên quan đến môi trường.

Phát huy hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong việc nhận diện, phòng

ngừa, phát hiện, giám sát và tham gia ứng phó các nguy cơ, rủi ro môi trường; xây dựng thế trận bảo đảm an ninh môi trường vững chắc từ cơ sở.

2.2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu lực quản trị rủi ro và thi hành pháp luật về bảo đảm an ninh môi trường

Rà soát, hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng về bảo đảm an ninh môi trường; xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều phối liên ngành về an ninh môi trường, phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong nhận diện, phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó và xử lý nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường.

Tích hợp yêu cầu nhận diện, đánh giá và quản trị nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường; xác lập trách nhiệm và bảo đảm nguyên tắc chủ thể tạo ra rủi ro phải chịu trách nhiệm tương xứng với mức độ rủi ro, hậu quả gây ra; tăng cường giám sát trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện và kịp thời điều chỉnh khi rủi ro phát sinh, gia tăng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát và thi hành pháp luật; hoàn thiện và sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế, tài chính, kỹ thuật, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số để phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, điều chỉnh hành vi, huy động nguồn lực xã hội cho bảo đảm an ninh môi trường.

2.3. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục các nguy cơ, rủi ro môi trường tác động đến an ninh, trật tự

Kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở, nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, sinh kế của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm vi phạm, bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định.

Xây dựng bộ tiêu chí phân loại, cảnh báo rủi ro an ninh môi trường; hình thành cơ chế quản trị, phối hợp thống nhất, liên ngành, liên vùng để xử lý kịp thời các nguy cơ, rủi ro phát sinh. Xây dựng kịch bản ứng phó các rủi ro, sự cố môi trường theo từng cấp độ; thường xuyên diễn tập các phương án, tình huống có cấp độ nghiêm trọng, phức tạp, chủ động ứng phó từ sớm, từ xa, không để sự cố môi trường lan rộng, kéo dài, trở thành khủng hoảng.

Xử lý dứt điểm các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng, kéo dài và các vấn đề môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Nhân dân; chủ động giải quyết từ sớm các nguy cơ phát sinh bức xúc, tranh chấp, khiếu kiện, không để hình thành điểm nóng, vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự; ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề môi trường để gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia.

2.4. Quản trị rủi ro an ninh môi trường liên quan đến tài nguyên, năng lượng, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và các thách thức mới nổi, xuyên biên giới

Chủ động nhận diện, đánh giá, dự báo, cảnh báo và quản trị các nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường; triển khai các chương trình, dự án, các tác động môi trường từ bên ngoài lãnh thổ đến Việt Nam, trên tất cả các không gian phát triển; tập trung vào các nguy cơ tác động đến an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh sinh học, an ninh hạt nhân, nguồn lực chiến lược, các công trình, hệ thống trọng yếu, sức chống chịu và năng lực tự chủ quốc gia.

Đánh giá, phòng ngừa, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan đối với các đô thị lớn, địa bàn dễ bị tổn thương, cơ sở hạ tầng, công trình và hệ thống trọng yếu; nâng cao khả năng thích ứng, chống chịu và phục hồi, bảo đảm duy trì các chức năng thiết yếu, hạn chế gián đoạn, giảm thiểu thiệt hại trước các rủi ro môi trường gia tăng.

Chủ động quản trị các rủi ro môi trường phát sinh từ hóa chất, điện hạt nhân, năng lượng mới, vật liệu, công nghệ mới, hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ và mô hình phát triển mới.

2.5. Tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu phục vụ quản trị an ninh môi trường

Đổi mới phương thức quản trị an ninh môi trường dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu và phân tích rủi ro; ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ các công nghệ phục vụ nhận diện, giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo sớm và xử lý hiệu quả, kịp thời các nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường.

Phát triển hệ thống giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo sớm và bản đồ rủi ro an ninh môi trường trên nền tảng số. Hoàn thiện, tích hợp, liên thông và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường với các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp; huy động nguồn lực phát triển, làm chủ và ứng dụng công nghệ, sản phẩm, giải pháp phục vụ bảo đảm an ninh môi trường.

2.6. Nâng cao năng lực phát hiện, đấu tranh, xử lý hành vi xâm hại an ninh môi trường

Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản, phân tích, dự báo chiến lược; nhận diện từ sớm các hoạt động, hành vi, yếu tố có khả năng tác động, xâm hại an ninh môi trường, an ninh quốc gia, an ninh con người và lợi ích quốc gia - dân tộc.

Tập trung đấu tranh, xử lý nghiêm tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, đa dạng sinh học, nhất là các hành vi có tổ chức, liên tỉnh,

liên tuyến, xuyên quốc gia; kiên quyết xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, bao che, tiếp tay cho vi phạm.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương và lực lượng vũ trang nhân dân; kiện toàn, hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường và Công an cơ sở đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh môi trường trong tình hình mới.

2.7. Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích và nâng cao vị thế quốc gia trong quản trị an ninh môi trường

Tích cực tham gia, đóng góp xây dựng các cơ chế hợp tác quốc tế, khu vực về môi trường và an ninh môi trường. Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo và phối hợp xử lý các nguy cơ môi trường xuyên biên giới. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, huy động nguồn lực quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, nâng cao vai trò, uy tín, vị thế của Việt Nam trong quản trị môi trường và an ninh môi trường khu vực và toàn cầu.

Chủ động nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tác động của các chính sách, tiêu chuẩn môi trường quốc tế, xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và các cơ chế thương mại mới đối với an ninh kinh tế, chuỗi cung ứng, nguồn lực chiến lược, năng lực cạnh tranh và tự chủ của đất nước; kịp thời có giải pháp thích ứng để bảo vệ, phát huy quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

Phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hoạt động lợi dụng vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn xanh và các cam kết quốc tế để gây sức ép, tác động chính sách, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam; sử dụng hiệu quả các công cụ chính trị, ngoại giao, pháp lý quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

3.1. Đối với chi bộ: Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị số 15-CT/TW, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bảo đảm an ninh môi trường; đưa nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào nghị quyết, chương trình công tác phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, chủ động phòng ngừa các nguy cơ gây mất an ninh, trật tự từ cơ sở.

***3.2. Đối với đảng viên*:** Nêu cao tinh thần tiền phong, gương mẫu trong chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; thực hiện nếp sống xanh, tiết kiệm tài nguyên, phân loại và xử

lý rác thải đúng quy định, bảo vệ nguồn nước, rừng và cảnh quan sinh thái. Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và Nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; chủ động phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; tham gia phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, không để các vấn đề môi trường phát sinh thành điểm nóng về an ninh, trật tự.

II- CHỈ THỊ SỐ 14-CT/TW, NGÀY 22/9/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tình hình

Sau 6 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật, nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội có sự chuyển biến rõ rệt; đã xác định được công tác người khuyết tật là trách nhiệm chính trị gắn liền với các mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội và quyền con người; khuôn khổ pháp luật, cơ chế, chính sách về người khuyết tật ngày càng được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi và động lực mạnh mẽ để người khuyết tật tự tin vươn lên, chủ động hòa nhập cộng đồng.

Tuy nhiên, rào cản trong tiếp cận một số công trình hạ tầng và giao thông; hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập còn thiếu; việc làm, sinh kế, mô hình hỗ trợ còn hạn chế; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số còn chậm; thủ tục hành chính chưa bảo đảm để người khuyết tật tiếp cận.

Trước tình hình đó, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nội dung sau:

2. Quan điểm chỉ đạo

2.1. Công tác người khuyết tật là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn với bảo đảm an sinh xã hội, phát triển con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Cần tiếp tục quán triệt sâu sắc việc chuyển đổi mạnh mẽ trong nhận thức, tư duy, chính sách đối với người khuyết tật; lấy sự tham gia, khả năng hòa nhập và chất lượng sống của người khuyết tật làm thước đo hiệu quả chính sách.

2.2. Chăm lo, bảo đảm quyền và tạo cơ hội phát triển cho người khuyết tật với tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau"; người khuyết tật không chỉ là đối tượng được chăm lo, hỗ trợ, thụ hưởng chính sách mà còn có quyền, có năng lực, có khát vọng, có tiềm năng cần được tạo điều kiện để tham gia đóng góp cho đất nước.

2.3. Tạo điều kiện để mỗi người khuyết tật, trong bất kỳ hoàn cảnh nào đều được tôn trọng, bảo vệ, hỗ trợ và thụ hưởng đầy đủ các quyền theo quy

định, có cơ hội phát triển, không để người khuyết tật đứng ngoài hoặc bị hạn chế cơ hội tham gia vào tiến trình phát triển của đất nước.

3. Mục tiêu và tầm nhìn

3.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; ưu tiên chăm lo cho những người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn hoặc không có khả năng tự bảo đảm cuộc sống; mở rộng tối đa cơ hội học tập, lao động, khởi nghiệp, sáng tạo, sản xuất, kinh doanh và tham gia các hoạt động xã hội; bảo đảm sự tham gia phù hợp của người khuyết tật vào các cơ quan dân cử.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật theo hướng tôn trọng quyền của người khuyết tật, mức sống tối thiểu, hỗ trợ bảo hiểm y tế, hỗ trợ người khuyết tật phát triển năng lực, tự chủ và hòa nhập xã hội.

- Trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm phù hợp với từng dạng khuyết tật. Trẻ em khuyết tật trong độ tuổi mầm non và phổ thông được tạo mọi cơ hội tiếp cận giáo dục phù hợp, hoà nhập và phát triển toàn diện. Người khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề, tiếp cận việc làm, vay vốn tạo sinh kế, khởi nghiệp hoặc phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Các công trình xây dựng mới, công trình công cộng được cải tạo, nâng cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tiếp cận và sử dụng đối với người khuyết tật. Người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công, dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Các tỉnh, thành phố phát triển các thiết chế, câu lạc bộ và phong trào thể dục, thể thao dành cho người khuyết tật; tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật tham gia tập luyện thể dục, thể thao; tạo cơ hội để người khuyết tật tiếp cận, tham gia, thụ hưởng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí và các hoạt động xã hội.

3.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, bình đẳng, hoà nhập đối với người khuyết tật; nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo điều kiện để người khuyết tật phát triển toàn diện, sống độc lập và được thụ hưởng đầy đủ các thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; hỗ trợ người khuyết tật trở thành nguồn nhân lực chất lượng, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thịnh vượng của đất nước trong kỷ nguyên mới.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức và Nhân dân về công tác người khuyết tật. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục để xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử; xây dựng môi trường xã hội tôn trọng, bình đẳng, nhân ái, sẻ chia; tạo điều kiện để người khuyết tật tự tin, tự chủ, hoà nhập và tham gia, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

4.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về người khuyết tật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phục hồi chức năng, hoà nhập, đào tạo nghề, việc làm, sinh kế, vay vốn, trợ giúp pháp lý; nâng cao khả năng tiếp cận hạ tầng, công trình công cộng, nhà ở, giao thông, thông tin, truyền thông và các dịch vụ thiết yếu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số để hỗ trợ người khuyết tật phát huy năng lực, nâng cao tính tự chủ và chất lượng cuộc sống.

4.3. Tăng cường phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, chẩn đoán, can thiệp sớm và phục hồi chức năng. Khuyến khích, hỗ trợ người dân chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh; khám sàng lọc một số loại bệnh tật phổ biến, nguy cơ khuyết tật phù hợp với từng lứa tuổi, nhóm đối tượng, nhất là trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi.

4.4. Tăng cường khả năng tiếp cận của người khuyết tật. Ưu tiên nguồn lực cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng, giao thông và hạ tầng thiết yếu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số; phát triển các phong trào thể dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí cho người khuyết tật.

4.5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hiệu quả nhằm phát hiện sớm trẻ em có dấu hiệu bất thường, được đến trường, được học tập, được tham gia học tập, giáo dục và phổ cập giáo dục. Phát triển hệ thống các trung tâm hỗ trợ giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục chuyên biệt theo quy hoạch; xây dựng trường học, cơ sở chăm sóc ban ngày; chương trình giáo dục, can thiệp phù hợp đối với trẻ tự kỷ và trẻ có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt.

4.6. Chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật, chính quyền các cấp và lực lượng chức năng chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi bạo lực, xâm hại, ngược đãi, bỏ rơi, phân biệt đối xử hoặc lợi dụng người khuyết tật để trục lợi.

5. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

5.1. Đối với chi bộ: Tổ chức quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong thực hiện công tác người khuyết tật. Đưa nội dung chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người khuyết tật vào sinh hoạt chi bộ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

5.2. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu trong tuyên truyền, vận động gia đình và Nhân dân tôn trọng, chia sẻ, hỗ trợ người khuyết tật; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội. Không có hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, xâm hại hoặc lợi dụng người khuyết tật để trục lợi; chủ động phát hiện, phản ánh những bất cập trong thực hiện chính sách và đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.

Phụ lục 2: Kết quả quán triệt, học tập, tuyên truyền

(Kèm theo Kế hoạch số 211-KH/ĐU, ngày 28/10/2026 của BTV Đảng ủy)

TT	Tên đơn vị	Tổng số hội nghị	Tổng số người tham gia	Đảng viên							Công chức, viên chức, người lao động chưa là đảng viên				TS quần chúng nhân dân được phổ biến, tuyên truyền
				Tổng số đảng viên của đảng bộ tại thời điểm quán triệt	Tổng số đảng viên được miễn sinh hoạt	Tổng số đảng viên được triệu tập	Tổng số ĐV được học tập, quán triệt	Tổng số đảng viên được học tập bằng các hình thức khác (gửi tài liệu để tự nghiên cứu)	Tổng số ĐV được học tập, quán triệt và tổng số ĐV được học tập bằng hình thức khác	Tỷ lệ %	Tổng số công chức, viên chức, người lao động chưa là đảng viên	Tổng số công chức, viên chức, người lao động chưa là đảng viên được triệu tập	Tổng số công chức, viên chức, người lao động chưa là đảng viên được học tập, quán triệt	Tỷ lệ %	
1	Đảng bộ...														
2	Chi bộ…														
3	…														
	Tổng														